

TIẾP CẬN TÀI CHÍNH CỦA DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

Ths. Hoàng Hải Ninh*

Doanh nghiệp vừa và nhỏ (DNVVN) có vai trò quan trọng trong sự phát triển của nền kinh tế nước ta. Nhưng đóng góp của các doanh nghiệp này đã góp phần lấp đầy những khoảng trống nhỏ trong thị trường, tạo việc làm và thúc đẩy nền kinh tế phát triển. Tuy nhiên, trước bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế đặt ra nhiều cơ hội và thách thức cho nhóm doanh nghiệp vừa và nhỏ của Việt Nam, nhất là về tiếp cận các nguồn tài chính. Bài viết này tập trung đánh giá thực trạng tiếp cận nguồn tài chính của DNVVN của Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế, từ đó chỉ ra nguyên nhân, hạn chế và đề xuất một số kiến nghị giúp tăng khả năng tiếp cận hiệu quả nguồn tài chính cho DNVVN phát triển trong thời gian tới.

• Từ khóa: doanh nghiệp vừa và nhỏ, tiếp cận tài chính, hội nhập kinh tế quốc tế.

Small and medium enterprises (SMEs) have played an important role in the development of Vietnam's economy. The contributions of these businesses have filled small gaps in the market, created jobs and boosted the economy. However, in the context of international economic integration, there are many opportunities and challenges for Vietnam's SMEs, especially in terms of accessing financial resources. This article focuses on evaluating the status quo of accessing financial resources of Vietnam's SMEs in the context of international economic integration, thereby pointing out the causes, limitations and recommendations to increase the ability to access financial resources effectively for SMEs in the near future.

• Keywords: *small and medium enterprises, access to finance, international economic integration.*

Ngày nhận bài: 01/3/2020

Ngày chuyển phản biện: 07/3/2020

Ngày nhận phản biện: 30/3/2020

Ngày chấp nhận đăng: 02/4/2020

1. Tổng quan các nghiên cứu về tiếp cận tài chính của doanh nghiệp vừa và nhỏ

Tiếp cận tài chính là chủ đề được sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu trên thế giới. Các nghiên cứu trước đây đã chỉ ra rằng việc tiếp cận tài chính của DNVVN là yếu tố quyết định quan trọng về khả năng tồn tại và phát triển của DNVVN, và ảnh hưởng đến sự phát triển và ổn định kinh tế của một quốc gia. Khi doanh nghiệp lợi thế về tài chính

sẽ có cơ hội đẩy mạnh phát triển hơn so với các doanh nghiệp khác (Trần Thị Thanh Tú và Đinh Thị Thanh Vân, 2015). Sự ổn định tài chính của doanh nghiệp vừa và nhỏ là một yếu tố quyết định quan trọng trong việc tung ra các sản phẩm mới và cải thiện chuyên giao kiến thức (Ayyagari và cộng sự, 2008) và tiếp cận tài chính của DNVVN là chìa khóa để đạt được tăng trưởng việc làm cao hơn (Campello và Larrain, 2014). Cơ hội tiếp cận tài chính của DNVVN tùy thuộc vào mức độ phát triển sản phẩm tài chính và thị trường tài chính của mỗi quốc gia. Các nguồn lực tài chính sẵn có bên ngoài doanh nghiệp, tuy nhiên việc tiếp cận được hay không phụ thuộc vào nhiều yếu tố.

Ở nhiều quốc gia tài chính ngân hàng vẫn là nguồn tài chính chủ yếu của doanh nghiệp (Siedschlag, 2014). Những bất cập của tiếp cận tài chính có thể xuất hiện khi có sự bất cân xứng thông tin giữa người vay và người cho vay trong phân bổ tín dụng của ngân hàng hoặc tổ chức tài chính phi ngân hàng.

Ở Việt Nam, tiếp cận tài chính thực sự trở thành điểm nghẽn đối với sự phát triển khu vực doanh nghiệp tư nhân nói chung và DNVVN nói riêng (Ban Kinh tế Trung ương, 2017). Trần Thị Thanh Tú và Đinh Thị Thanh Vân (2015) cho rằng trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế, các DNVVN có nhiều cơ hội hơn nhưng cũng đối mặt với nhiều thách thức trong tiếp cận tài chính. Thời kỳ nền kinh tế chịu ảnh hưởng nặng nề của khủng hoảng tài chính toàn cầu, các DNVVN đã phải "gồng mình" để tồn tại trong khủng hoảng. Do vậy, vai trò của các chính sách hỗ trợ vốn của nhà nước cũng

* Học viện Tài chính

như sự nỗ lực của doanh nghiệp trong việc tiếp cận tài chính có vai trò hết sức quan trọng. Bên cạnh đó, hạn chế về nhân lực và trình độ quản lý cũng là nguyên nhân dẫn đến những khó khăn đối với DNVVN trong việc tiếp cận các cơ hội đầu tư khả thi.

2. Thực trạng tiếp cận tài chính của doanh nghiệp vừa và nhỏ Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế

2.1. Giới thiệu về doanh nghiệp vừa và nhỏ Việt Nam

Ngân hàng thế giới (World Bank - WB) chia các doanh nghiệp thành ba loại: doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ và doanh nghiệp vừa. Các tiêu chí để phân loại DNVVN của WB chủ yếu dựa vào số lượng lao động bình quân, tài sản và doanh thu hàng năm của doanh nghiệp.

Bảng 1: Tiêu chí phân loại DNVVN của World Bank

Quy mô	Số lao động	VKD	Doanh thu hàng năm
Siêu nhỏ	<10	< \$100,000	< \$100.000
Nhỏ	<50	< \$3 triệu	< \$3 triệu
Vừa	<300	< \$15 triệu	< \$15 triệu

Nguồn: Tổng hợp từ World Bank

Tuy nhiên, tại mỗi một quốc gia có quy mô nền kinh tế khác nhau và tùy thuộc từng giai đoạn phát triển của nền kinh tế thì tiêu chí phân loại DNVVN cũng khác nhau. Tại Việt Nam, theo Điều 6 Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11/03/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật hỗ trợ DNVVN thì các DNVVN được phân theo quy mô bao gồm doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ, doanh nghiệp vừa (Bảng 2). Cụ thể như sau:

(1) Doanh nghiệp siêu nhỏ trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản và lĩnh vực công nghiệp, xây dựng có số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 10 người và tổng

doanh thu của năm không quá 3 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn không quá 3 tỷ đồng.

Doanh nghiệp siêu nhỏ trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ có số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 10 người và tổng doanh thu không quá 10 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn không quá 3 tỷ đồng.

(2) Doanh nghiệp nhỏ trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản và lĩnh vực công nghiệp, xây dựng có số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 100 người và tổng doanh thu của năm không quá 50 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn không quá 20 tỷ đồng, nhưng không phải là doanh nghiệp siêu nhỏ theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Doanh nghiệp nhỏ trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ có số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 50 người và tổng doanh thu của năm không quá 100 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn không quá 50 tỷ đồng, nhưng không phải là doanh nghiệp siêu nhỏ theo quy định tại khoản 1 Điều này.

(3) Doanh nghiệp vừa trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản và lĩnh vực công nghiệp, xây dựng có số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 200 người và tổng doanh thu của năm không quá 200 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn không quá 100 tỷ đồng, nhưng không phải là doanh nghiệp nhỏ, doanh nghiệp siêu nhỏ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

Doanh nghiệp vừa trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ có số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 100 người và tổng doanh thu của năm không quá 300 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn không quá 100 tỷ đồng, nhưng không phải là doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

Bảng 2: Phân loại DNVVN tại Việt Nam theo Nghị định 39/2018/NĐ-CP

	DN siêu nhỏ		DN nhỏ		DN vừa	
	Số lao động	Tổng doanh thu (hoặc Tổng VKD)	Số lao động	Tổng doanh thu (hoặc Tổng VKD)	Số lao động	Tổng doanh thu (hoặc Tổng VKD)
I. Nông, lâm nghiệp và thủy sản	≤ 10	DT ≤ 3 tỷ đồng (hoặc VKD ≤ 3 tỷ đồng)	≤ 100	DT ≤ 50 tỷ đồng (hoặc VKD ≤ 20 tỷ đồng)	≤ 200	DT ≤ 200 tỷ đồng (hoặc VKD ≤ 100 tỷ đồng)
II. Công nghiệp và xây dựng	≤ 10	DT ≤ 3 tỷ đồng (hoặc VKD ≤ 3 tỷ đồng)	≤ 100	DT ≤ 50 tỷ đồng (hoặc VKD ≤ 20 tỷ đồng)	≤ 200	DT ≤ 200 tỷ đồng (hoặc VKD ≤ 100 tỷ đồng)
III. Thương mại và dịch vụ	≤ 10	DT ≤ 10 tỷ đồng (hoặc VKD ≤ 3 tỷ đồng)	≤ 50	DT ≤ 100 tỷ đồng (hoặc VKD ≤ 50 tỷ đồng)	≤ 100	DT ≤ 300 tỷ đồng (hoặc VKD ≤ 100 tỷ đồng)

Nguồn: Nghị định số 39/2018/NĐ-CP

Theo Tổng cục Thống kê thì hiện nay ở Việt Nam trong gần 600.000 doanh nghiệp hiện đang hoạt động, có đến hơn 98% là các DNVVN (trong đó: số doanh nghiệp vừa chiếm 2,2%, doanh nghiệp nhỏ chiếm 29,6% và còn lại 68,2% là siêu nhỏ). Tổng quy mô vốn của các DNVVN chiếm khoảng 40,9% tổng nguồn vốn huy động vào sản xuất kinh doanh của toàn khu vực doanh nghiệp. Hàng năm, các DNVVN cũng tạo ra gần 60% việc làm (chiếm 42,2% số lao động), 44,8% doanh thu, đóng góp khoảng 40% GDP, 33% giá trị sản lượng công nghiệp, 30% giá trị hàng hóa xuất khẩu và đóng góp 29,3% cho ngân sách nhà nước.

Sơ với các doanh nghiệp quy mô lớn, các DNVVN có ưu thế là thành lập và rút lui một cách dễ dàng trên thị trường, các quyết định kinh doanh được đưa ra linh hoạt, lĩnh vực hoạt động kinh doanh rộng rãi. Nhờ vào những lợi thế này, các DNVVN giải quyết một lượng công ăn việc làm tương đối lớn cho lực lượng lao động, khai thác nguyên liệu và tài nguyên thiên nhiên tại các địa phương; từ đó đóng góp cho ngân sách và tăng trưởng kinh tế của các địa phương cũng như cả nước. Mặc dù có vai trò quan trọng và chiếm tỷ lệ lớn trong nền kinh tế, là động lực cho tăng trưởng phát triển kinh tế của Việt Nam nhưng các DNVVN hiện nay gặp rất nhiều khó khăn trong hoạt động, nhất là việc tiếp cận các nguồn tài chính, do vậy mà việc mở rộng kinh doanh, đầu tư vào những chiến lược kinh doanh dài hạn và phát triển công nghệ cũng còn gặp khó khăn và thách thức.

2.2. Tiếp cận tài chính của DNVVN

Vốn cung ứng cho các DNVVN thường được huy động thông qua các kênh chủ yếu, bao gồm: (i) thông qua hệ thống các TCTD; (ii) thông qua thị trường tài chính bằng cách phát hành cổ phiếu và trái phiếu ra công chúng. Tại các nền kinh tế phát triển, hệ thống TCTD sẽ đảm nhận vai trò cung ứng vốn ngắn hạn. Nhu cầu vốn trung và dài hạn sẽ do thị trường tài chính đảm nhận vai trò chủ đạo.

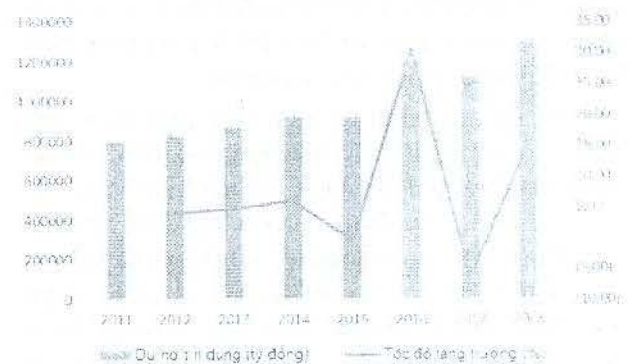
2.2.1. Tiếp cận nguồn vốn vay tín dụng ngân hàng của doanh nghiệp vừa và nhỏ

Tín dụng ngân hàng là một trong những kênh quan trọng giúp doanh nghiệp nói chung, DNVVN nói riêng bổ sung cho nguồn vốn thiếu hụt của mình trong quá trình sản xuất và hoạt động của họ. Như đã nói ở trên, DNVVN chiếm tỷ trọng lớn trong tổng số doanh nghiệp của Việt Nam, là cấu thành chính trong tăng trưởng hàng năm của nền kinh tế, giúp tạo nhiều công ăn việc làm cho người lao

động. Nhận thức rõ được tầm quan trọng của các DNVVN, Chính phủ Việt Nam đã có nhiều chính sách để hỗ trợ các doanh nghiệp này trong việc tiếp cận với các kênh vốn khác nhau - đặc biệt trong kênh cung ứng tín dụng của ngân hàng. Nhằm đẩy mạnh hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng với DNVVN, Ngân hàng nhà nước (NHNN) Việt Nam đã ban hành các văn bản có liên quan, như Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN năm 2001 và được thay thế bởi Thông tư số 39/2016/TT-NHNN. Sự thay đổi trong các văn bản pháp luật đã tạo điều kiện phần nào giúp cho các DNVVN tiếp cận dễ dàng hơn với tín dụng ngân hàng, tốc độ tăng trưởng rõ rệt qua từng năm.

Tốc độ tăng trưởng của kênh tín dụng ngân hàng cho các DNVVN Việt Nam có xu hướng biến động mạnh, đặc biệt trong giai đoạn 2014-2018. Định điểm tăng trưởng của kênh tín dụng ngân hàng đạt tốc độ 30,77% năm 2016, sau khi có sự sụt giảm 0,45% năm 2015. Tình trạng tăng giảm dư nợ tín dụng đối với DNVVN Việt Nam tiếp tục được tái hiện vào năm 2017 và 2018 với tốc độ tăng trưởng lần lượt là -6,43% và 15,57%.

Hình: Tổng dư nợ tín dụng DNVVN giai đoạn 2011-2018



Nguồn: NHNN

Mặc dù dư nợ tín dụng ngân hàng cho các DNVVN của Việt Nam đã gia tăng theo từng năm về mặt số lượng, nhưng số lượng DNVVN tiếp cận được với nguồn vốn này còn rất khiêm tốn. Theo báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2016) Việt Nam chỉ mới có khoảng 32% DNVVN có khả năng tiếp cận vốn, 35% DNVVN khó tiếp cận vốn và khoảng 33% DN không thể tiếp cận vốn (Nguyễn Hữu Mạnh, 2016). Nói cách khác, 70% DNVVN Việt Nam phải sử dụng nguồn vốn tự có của mình hoặc tiếp cận các nguồn vốn khác - những nguồn vốn có chi phí cao và chứa đựng nhiều rủi ro (Ngô Xuân Thanh, 2019). Tỷ lệ của dư nợ tín dụng

ngân hàng cho DNVVN so với tỷ lệ về số lượng DNVVN của Việt Nam còn chưa tương xứng. Nếu như dư nợ tín dụng ngân hàng cho các DNVVN trong giai đoạn 2012-2017 là từ 22%-25%, thì tỷ lệ số lượng DNVVN trong tổng số doanh nghiệp Việt Nam lại đạt mức 97% - 98,1% (Ngô Xuân Thanh, 2019). Từ đây cho thấy sự khó khăn, bối rối và sự "tắc nghẽn" khi tiếp cận vốn tín dụng ngân hàng của các DNVVN Việt Nam, đặc biệt khi bức tường mang tên tài sản thế chấp vẫn còn tồn tại.

2.2.2. Tiếp cận tài chính thông qua thị trường tài chính

Thông qua thị trường tài chính, DNVVN nếu tiếp cận được nguồn tài chính sẽ đến chủ yếu từ hoạt động phát hành trái phiếu doanh nghiệp. Với sự bổ sung, sửa đổi của các văn bản pháp luật trong nước, việc huy động vốn của DNVVN Việt Nam trong trung và dài hạn qua phát hành trái phiếu doanh nghiệp đã có những kết quả khả quan. Điều kiện để các DNVVN phát hành trái phiếu cũng được dễ dàng hóa, như: (1) Quy định về kết quả hoạt động sản xuất - kinh doanh của năm liền kề trước năm DNVVN phát hành trái phiếu phải có lãi được tháo bỏ; (2) Điều kiện để DNVVN phát hành trái phiếu thành nhiều đợt cũng được quy định bổ sung; (3) DNVVN không cần bắt buộc xây dựng phương án phát hành và đăng ký chương trình phát hành trái phiếu trong năm tài chính,...

Mặc dù quy trình và điều kiện phát hành trái phiếu doanh nghiệp đã được tạo thuận lợi, nhưng thị trường trái phiếu doanh nghiệp Việt Nam vẫn chủ yếu là sân chơi dành cho các tập đoàn tư nhân lớn (thuộc khối doanh nghiệp vừa) theo hình thức phát hành riêng lẻ cho đối tác. Các doanh nghiệp nhỏ hoặc doanh nghiệp siêu nhỏ còn rất hiếm tham gia vào thị trường trái phiếu này (Ngô Xuân Thành, 2019).

Bởi sự khó khăn trong tiếp cận vốn trên thị trường chứng khoán, đại đa số các DNVVN nghiêng về huy động vốn qua sàn cho vay ngang hàng (Lending platform: P2P). Với những ưu thế vượt trội so với thị trường chứng khoán, như: (1) Không cần thông qua trung gian tài chính khi P2P dựa trên nền tảng công nghệ số kết nối trực tiếp người cho vay và người đi vay; (2) Chi phí huy động thấp; (3) Thủ tục nhanh gọn, đơn giản. Đi cùng với những ưu thế nổi trội trên, P2P cũng phải đối mặt với những rủi ro nhất định, có thể kể đến như rủi ro mất khả năng thanh toán; chưa có văn bản pháp lý quy định khi có xảy ra tranh chấp; lãi

suất thỏa thuận sẽ dẫn tới khó khăn trong cân đối doanh thu và trả lãi hàng tháng cho DNVVN.

Kết luận: Trước bối cảnh hội nhập kinh tế toàn cầu, các DNVVN có nhiều cơ hội thuận lợi để mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh trong và ngoài nước, nhưng song song với cơ hội là những thách thức khó khăn trước sự cạnh tranh ngày càng gay gắt của các doanh nghiệp trong và ngoài nước, đặc biệt là các doanh nghiệp nước ngoài. Vì vậy, các DNVVN cần phải không ngừng mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư phát triển công nghệ, tăng cường sức mạnh nội lực của chính các doanh nghiệp nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh. Muốn thực hiện được điều đó thì các DNVVN cần phải có nhiều cơ hội để tiếp cận các nguồn tài chính. Bài viết của các tác giả nhằm đưa ra một số kênh tiếp cận cũng như khái quát thực trạng tình hình tiếp cận các nguồn lực tài chính của các DNVVN để từ đó có thể mở rộng các nguồn tài chính để tiếp cận dễ dàng và thuận lợi hơn, tạo ra hướng đi cho các doanh nghiệp trong quá trình mở rộng quy mô, nguồn vốn cũng như hoạt động sản xuất kinh doanh.

Tài liệu tham khảo:

- Ayyagari, M., Demirgüç-Kunt, A., Maksimovic, V., 2008. How important are financing constraints? The role of finance in the business environment. *World Bank Econ. Rev.* 22, 483-516
- Campello, M., Larrain, M., 2014. Enlarging the contracting space: Collateral menus, access to credit, and economic activity. *NBER Working Paper No. 21690 Galindo and Micco (2007)*.
- Britto, J., Vargas, M., Cassolato, J.E., 2002. *Formatos organizacionais para financiamento de arranjos e sistemas de MPES: Interagir Para Competir: Promoção de Arranjos Produtivos e Inovativos No Brasil*. SEBRAE, Brasília, pp. 1-30.
- Tạ Thanh Bình (2019). *Thị trường chứng khoán và khả năng tiếp cận các nguồn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam*. *Tạp chí ngân hàng số chuyên đề đặc biệt* 2019.
- Jiang, J., Lin, Z., Lin, C., "Financing Difficulties of SMEs from Its Financing Sources in China", *Journal of Service Science and Management*, 7 (2014), 196.
- Siedschlag, I., O'Toole, C., Murphy, G., O'Connell, B., 2014. *Access to External Financing and Firm Growth*. *ESRI: Background Study for the European Competitiveness Report*.
- Stiglitz và Weiss (1981). *Credit rationing in Markets with imperfect information*. *America Economic Review* 71, No3, 393-410.
- Doherty, L. and Norton, A. (2014), "Making and measuring "good" HR practice in an SME: ... 128-147. <https://doi.org/10.1108/ER-02-2013-0017>.
- Phạm Thị Thu Hằng, "Vốn của doanh nghiệp lấy từ đâu?", 2012. *Tham luận Hội thảo VCCI tháng 10/2012*.
- Lưu Thị Phương (2019). *Tác động của rào cản tài chính tiền tệ đến sự phát triển của doanh nghiệp*. *Tạp chí Tài chính (Tạpchitaichinh.vn)*.
- Ban Kinh tế Trung ương (2017). *Chẩn đoán tăng trưởng kinh tế Việt Nam*.
<https://www.worldbank.org>
<https://www.sbv.gov.vn>
<https://cefr.uef.edu.vn/Resources/Docs/SubDomain/cefr-B%20C3%A1o%20c%20C3%A1o%20th%20C6%B0%F1%BB%9Dng%20n%20i%20C3%A1n%2017%20.%20T%20i%20E%20B%20F%20c%20E%20B%20A%20n%20i%20C3%A1o%20ch%20C3%A1n%20c%20E%20B%20A%20n%20i%20C3%A1o%20DNN%20V.pdf>